

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**  
=====

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BỈM SƠN, TỈNH THANH HÓA**

Căn cứ vào khoản 2 Điều 29, khoản 3 Điều 144, khoản 2 Điều 149, Điều 212, Điều 213, Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án mục 1.1 phần B danh mục về lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 71/ 2022/ TLST – HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2022 , về việc “ *Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Chị **Vũ Thị Thu T** sinh năm 1972

Nơi cư trú: Số nhà 04, Tổ 11, khu phố 5, phường B , thị xã B , tỉnh T.

2. Anh **Trần Văn V** sinh năm 1967

Nơi cư trú: Xóm 8, thôn Y , xã H , huyện M , Tp H

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] **Về hôn nhân:** Tại bản tự khai, biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành ngày 03 tháng 8 năm 2022 và quá trình giải quyết việc dân sự, các đương sự trình bày: chị Vũ Thị Thu T và anh Trần Văn V kết hôn với nhau vào năm 1994 , đăng ký kết hôn tại UBND phường B , thị xã B , tỉnh T . Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Trần Văn V làm ăn thua lỗ dẫn đến thất thoát về kinh tế trong gia đình, từ năm 2014 vợ chồng sống ly thân nhau, mỗi người một nơi anh Trần Văn V thì ở H , còn chị Vũ Thị Thu T thì sống tại B, T không ai quan tâm đến ai.

Nay chị T và anh V xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống được với nhau nên đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Xét thấy, việc thuận tình ly hôn của các đương sự là tự nguyện, phù hợp với các quy định của pháp luật nên Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Vũ Thị

Thu T và anh Trần Văn V .

[2] **Về con chung:** Vợ chồng có hai con chung cháu đầu là: Trần Thu H ( nữ) sinh ngày 30/5/1995 hiện đã có gia đình riêng, cháu thứ hai là Trần Hoàng A ( nam) sinh ngày 25/6/2004 hiện cháu đã đủ 18 tuổi nên Tòa án không giải quyết việc nuôi con chung đối với cháu.

[3] **Về tài sản chung:** Vợ chồng tự thỏa thuận phân chia, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ( 03/ 8 /2022 ) , không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Vũ Thị Thu T và anh Trần Văn V.

- Về con chung: Các con chung của chị T và anh V là: Trần Thu H ( nữ) sinh ngày 30/5/1995 và Trần Hoàng A ( nam) sinh ngày 25/6/2004, các cháu đã đến tuổi thành niên nên Tòa án không giải quyết việc nuôi con chung.

- Về tài sản: Các đương sự tự thỏa thuận phân chia không đề nghị Tòa án giải quyết, nên không xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí giải quyết việc dân sự chị Vũ Thị Thu T và anh Trần Văn V mỗi người phải nộp 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*), hai bên thống nhất chị Vũ Thị Thu T nộp khoản lệ phí của cả hai người. Vì vậy, chuyển số tiền chị T đã nộp tạm ứng lệ phí 300.000đ theo biên lai thu số: AA/2021 /0005167 ngày 19 tháng 7 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B sang phần lệ phí của chị T và anh V . Như vậy, các đương sự đã thi hành xong khoản lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

#### **Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND thị xã B ;
- Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B
- UBND P B, Tx B.
- Lưu hồ sơ vụ án.

#### **THẨM PHÁN**

**Tạ Thị Hương**